

	km	převýšení	počet kontrol
D10N	2,1	110	6
D10C	2,3	110	7
D12C	2,2	110	6
D14C	2,3	110	8
D16C	2,5	110	12
D18C	2,9	120	12
D21C	3,2	130	16
D35C	2,8	140	16
D45C	2,6	110	10
D55C	2,4	110	9
D65C	2,1	95	8
H10N	2,3	115	6
H10C	2,2	110	6
H12C	2,2	110	8
H14C	2,3	120	9
H16C	2,6	120	11
H18C	3	125	14
H21C	4	205	17
H35C	3,5	145	15
H45C	3	125	13
H55C	2,8	105	11
H65C	2,3	80	10
H70C	2,3	80	10
HDR	2,2	105	6
P	2,1	105	8